

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày: 25/02/2021.

Về việc: “T/c về Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Quế Minh;

2. Ông Trương Thành B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020; Về việc “*Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-DS ngày 08/01/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Ấp D, xã E, huyện F, An Giang

2. *Bị đơn:*

2. 1. Anh Lê Văn B, sinh năm 1984;

2. 2. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Ấp D, xã E, huyện F, An Giang

(Vắng mặt bị đơn anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị C; Đã tổng đạt hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc A và lời khai tại phiên tòa có nội dung như sau: Vào ngày 03/10/2019, vợ chồng anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị C có thỏa thuận hời vay của chị Lê Thị Ngọc A số tiền là 46.000.000đ, mục đích vay là để trả nợ đến hạn cho ngân hàng và cam kết sẽ hoàn trả lại cả gốc lẫn lãi sau thời hạn 03 ngày, đồng thời vợ chồng có ký biên

nhận nợ ngày 03/10/2019. Tuy nhiên, từ khi nhận tiền và ký nhận nợ vợ chồng không thực hiện đúng theo cam kết, cố tình lánh mặt đến nay mà không trả được khoản nợ nào.

Nay chị Lê Thị Ngọc A yêu cầu vợ chồng anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả số tiền đã vay 46.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày cam kết trả nợ là 06/10/2019 đến nay.

** Về phía bị đơn vợ chồng anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị C thì:* Tòa án đã nhiều lần gửi Thông báo, giấy mời vợ chồng đến Tòa án để tạo điều kiện cho gặp phía nguyên đơn trong vụ án để hòa giải và đối chiếu khoản nợ nhưng tất cả các lần anh B, chị C đều vắng mặt không lý do. Qua thu thập chứng cứ xác định được rằng vợ chồng anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị C có hộ khẩu tại Ấp D, xã E, huyện F, An Giang và hiện tại không thường xuyên có mặt tại địa phương, các Thông báo và quyết định của Tòa án giao thông qua Thừa phát lại thì gia đình vẫn ký nhận thay nhưng anh B, chị C vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] Về tố tụng:

+ Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị C vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

Về nội dung:

[2] Theo tờ biên nhận vay tiền ghi ngày 03/10/2019 có nội dung: “Anh Lê Văn B sinh năm 1984, chị Nguyễn Thị C sinh năm 1985; Cùng ngụ ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, An Giang, có thỏa thuận vay của chị Lê Thị Ngọc A sinh năm 1970 ngụ ấp Cần Thạnh, xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, An Giang để vay số tiền là 46.000.000đ, thời hạn trả là trong vòng 03 ngày, mục đích vay là để trả nợ đáo hạn của ngân hàng, không thỏa thuận lãi suất cụ thể”. Phía nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc A cho rằng biên nhận này do chị đánh máy sẵn, riêng những thông tin ghi thêm và ký tên thì do vợ chồng anh B, chị C trực tiếp ký nhận và nhận tiền vay, đến nay vẫn chưa thanh toán nên yêu cầu bị đơn trả số nợ đã vay theo thỏa thuận đã cam kết.

[3] Trong quá trình thu thập chứng cứ, mở phiên họp và hòa giải thì bị đơn là vợ chồng anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị C đều vắng mặt, trong khi các giấy tờ và thông báo của Tòa án tổng đạt thì gia đình đều ký nhận nhưng đều không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời phía bị đơn cũng

không cung cấp được chứng cứ khách quan để chứng minh việc đã thanh toán xong số tiền đã vay. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận và buộc anh B, chị C có trách nhiệm trả lại số tiền đã vay cho chị Lê Thị Ngọc Bích.

[4] Ngoài ra, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc A yêu cầu bị đơn là anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị C phải trả lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày 06/10/2019 đến nay theo mức lãi suất pháp luật quy định. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015”. Trong trường hợp này, phía nguyên đơn xác định khi cho vay có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định cụ thể nên được xem là có tranh chấp về lãi suất, cần áp dụng mức lãi suất 10%/năm theo quy định và được tính toán cụ thể như sau:

Vốn vay 46.000.000đ tính từ ngày 06/10/2019 đến nay (25/02/2021) làm tròn là 16,5 tháng, lãi suất mỗi tháng là 0,83%:

$$46.000.000đ \times 0,83\% \times 16,5 \text{ tháng} = 6.299.700đ;$$

$$\text{Vốn, lãi phải trả: } 46.000.000đ + 6.299.700đ = 52.299.700đ.$$

Như vậy, cần phải buộc bị đơn là anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả vốn, lãi nêu trên cho nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[5] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do bị buộc trả nợ cho nguyên đơn nên anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc A. Buộc anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Ngọc A số tiền đã vay vốn, lãi tổng cộng là 52.299.700đ (Năm mươi hai triệu hai trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm đồng).

* Về án phí, lệ phí sơ thẩm:

+ Anh Lê Văn B, chị Nguyễn Thị C phải chịu 2.614.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Lê Thị Ngọc A không phải chịu án phí nên được hoàn lại 1.150.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007342 ngày 11/10/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng người vắng mặt tại phiên tòa (hoặc vắng mặt khi tuyên án khách quan) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

